TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2024/DS-PT
Ngày: 01-4-2024
V/v "Tranh chấp QSD đất và đòi lại giấy chứng nhận QSD đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Nguyễn Ngọc Vạng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/3/2024 và ngày 01/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 230/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1944 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ C, Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Luật sư Phạm Hoàng Đ là thành viên Công ty L4 Luật sư, Chi nhánh Đ3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa ngày 28/3/2024, vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án ngày 01/4/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Văn Chí N, sinh năm 1971 (có mặt);

2.2. Nguyễn Thị C, sinh năm 1968;

2.3. Nguyễn Công D, sinh năm 1992;

2.4. Nguyễn Công T, sinh năm 1994;

(Bà C, anh D và anh T có mặt tại phiên tòa ngày 28/3/2024, vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án ngày 01/4/2024).

Cùng địa chỉ: Tổ B, Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Văn Chí L1, sinh năm 1969 (có mặt);

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ C, Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Văn L2, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B, Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Hồng T1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1966, bà L và chồng là ông Nguyễn Văn H được cha mẹ chồng tặng cho phần đất diện tích khoảng 10 công, tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông H và bà L có 04 người con chung gồm: Nguyễn Văn Chí L1, Nguyễn Văn Chí N, Nguyễn Văn L2 và Nguyễn Văn Đ1. Năm 1974 ông H chết. Năm 1992, bà L tặng cho ông Chí N phần đất (trong phần 10 công đất), đến năm 2000 Nhà nước thu hồi toàn bộ 10 công đất để làm khu dân cư. Tuy nhiên, bà L được bồi thường số tiền 175.000.000 đồng và hỗ trợ 10 nền tái định cư. Sau đó, bà L đã chia đều mỗi người con là 45.000.000 đồng và 02 nền nhà. Năm 1980, bà L được cha ruột là cụ Nguyễn Văn M tặng cho phần đất diện tích 2.378m^2 thuộc thửa 138 và diện tích 3.955m^2 thuộc thửa 197 cùng tờ bản đồ số 8 (trước đây là thửa 287, tờ bản đồ số 3 theo bản đồ 299), đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nhưng bà L chưa canh tác đất. Đến năm 1982 bà L mới canh tác đất trồng lúa cho đến nay. Ông Chí N tự ý đăng ký kê khai phần đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất năm nào thì bà L không biết. Đến năm 2004, bà L đi kê khai thì mới biết được ông Chí N đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận. Ông Chí N chở bà L ra cơ quan có thẩm quyền để lấy giấy chứng nhận và bà L giữ cho đến nay. Bà L có yêu cầu ông Chí N sang tên lại nhưng ông Chí N không thực hiện. Năm 2022 Bà L có kiện ra Ủy ban nhân

dân (UBND) xã T để hoà giải, thì ông Chí N viện lý do đã được cấp giấy nên lấy đất lại canh tác cho đến nay.

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận QSD đất số AA 055457, số vào sổ 01526 QSDĐ/1578/QĐ-UB tại thửa số 138, diện tích 2.378m^2 và thửa 197, diện tích 3.955m^2 cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Chí N đứng tên.

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn Chí N trả lại cho bà L phần đất thuộc thửa 138, diện tích 2.378m^2 và thửa 197, diện tích 3.955m^2 cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Yêu cầu chia phần đất có tổng diện tích 6.333m^2 thuộc thửa 138 và thửa 197 cho bà L và 04 người con như sau: Ông Nguyễn Văn Chí L1, ông Nguyễn Văn Chí N, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn Đ1 mỗi người được nhận 1.000m^2, bà Nguyễn Thị L được nhận 2.333m^2.

Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu:

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị L được QSD phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 2.499,4m^2, thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 8, đất chuyên trồng lúa nước và phần đất diện tích 4.078,6m^2, thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 8, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn Chí N gồm: ông Nguyễn Văn Chí N, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Công D và anh Nguyễn Công T di dời toàn bộ tài sản có trên đất để trả lại cho bà L phần đất thuộc thửa 138, diện tích 2.499,4m^2 và thửa 197, diện tích 4.078,6m^2 cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể đất nằm trong phạm vi các mốc: Mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M1 theo Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đề nghị Tòa án tuyên thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số AA 055457, số vào sổ 01526 QSDĐ/1578/QĐ-UB do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Chí N ngày 19/8/2004 tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 8, đất lúa và thửa đất số 197, tờ bản đồ số 8, đất lúa, cùng tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Nguyễn Thị L đứng tên.

Bà L xin rút yêu cầu chia phần đất có tổng diện tích 6.333m^2 thuộc thửa 138 và thửa 197 cho bà L và 04 người con như sau: Ông Nguyễn Văn Chí L1, ông Nguyễn Văn Chí N, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn Đ1 mỗi người được nhận 1.000m^2, bà Nguyễn Thị L được nhận 2.333m^2.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C thì bà L có ý kiến trình bày như sau:

Bà L không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, giấy chứng nhận QSD đất bản chính hiện nay do bà L giữ, không có cầm cố hay thế chấp cho ai. Phần đất đang tranh chấp là của cha, mẹ bà L cho từ những năm 1980 cho đến nay, bà L là người trực tiếp canh tác. Khi ông Chí N tự ký kê khai đứng tên thì bà L không biết.

Bà L thống nhất với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2023 và ngày 29/9/2023; Biên bản định giá tài sản ngày 10/4/2023; Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C cùng trình bày: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là cụ Nguyễn Văn M. Cụ M tặng cho ông Chí N phần đất này. Khi còn nhỏ, ông Chí N sống chung với bà L nên bà L đã đồng ý cho đăng ký kê khai. Do lúc đó còn trẻ, ông Chí N đi ghe lúa thường xuyên nên không trực tiếp canh tác đất mà để lại cho bà L quản lý, canh tác. Đến năm 2022, bà L khởi kiện ra UBND xã T kêu trả lại đất, nên ông Chí N đã lấy lại phần đất này canh tác cho đến nay. Năm 1992, ông Chí N đã đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất tranh chấp, đến năm 2004 thì làm thủ tục cấp đổi giấy. Tại thời điểm cấp đổi, công chức địa chính xã là ông L3 kêu ông Chí N lên nhận giấy. Do ông Chí N đi ghe lúa không về được nên nhờ ông Đ1 là em ruột lấy giúp và giữ cho đến nay. Thời gian qua, ông Chí N bị tổn thất tinh thần, tổn thất về kinh tế rất nhiều.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thì ông Chí N không đồng ý. Ông Chí N và bà C yêu cầu bà L và ông Nguyễn Văn Đ1 trả cho Chí N và bà C bản chính giấy chứng nhận QSD đất số AA 055457, số vào sổ 01526 QSDĐ/1578/QĐ-UB tại thửa 138 và thửa 197, tờ bản đồ số 8 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Chí N. Trường hợp Tòa án buộc ông Chí N trả lại đất cho bà L thì ông Chí N sẽ tự nguyện di dời cây trồng, tài sản và vật kiến trúc có trên đất, không yêu cầu hỗ trợ hay bồi thường gì. Ông Chí N, bà C đang trực tiếp canh tác đất, riêng anh D, anh T do đi học và đi làm ở xa không có tham gia canh tác.

Ông Chí N và bà C thống nhất với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2023 và ngày 29/9/2023, Biên bản định giá tài sản ngày 10/4/2023, Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, ông Chí N và bà C không trình bày hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Công D và anh Nguyễn Công T cùng trình bày: Anh D và anh T là con của ông Chí N và bà C, thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông ngoại là cụ Nguyễn Văn M. Cụ M đã cho ông Chí N phần đất này, nên ông Chí N đã đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận QSD đất hợp pháp. Do đó, anh D và anh T không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn bà L. Anh D và anh T xác nhận phần đất tranh chấp là của ông Chí N, còn anh D và anh T không trực tiếp canh tác và không có công sức đóng góp hay cải tạo gì.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc hộ ông Chí N di dời tài sản để trả lại phần đất đang tranh chấp cho bà L thì anh D, anh T đồng ý di dời tài sản và không có yêu cầu hỗ trợ hay bồi thường gì. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về nguồn gốc phần đất tranh chấp, cũng như quá trình sử dụng. Không thừa nhận có việc bà L tặng cho ông Chí N phần đất này, riêng việc đăng ký kê khai là do ông Chí N tự ý thực hiện không thông qua ý kiến của ai trong gia đình. Việc ông Chí N trình bày đi kê khai được cấp giấy lần đầu năm 1992 và đi đổi giấy năm 2004 là không đúng. Năm 2004, ông Chí N đi đăng ký kê khai lần đầu nhưng không đúng, nên bà L mới giữ giấy chứng nhận QSD đất. Không thừa nhận ông Đ1 nhận giấy từ địa chính xã là ông L3. Hiện nay, bà L giữ bản chính giấy chứng nhận QSD. Do không giữ giấy chứng nhận nên ông Đ1 không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Chí L1 và ông Nguyễn Văn L2 cùng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về nguồn gốc phần đất tranh chấp cũng như quá trình sử dụng. Không thừa nhận việc tặng cho QSD đất như ông Chí N trình bày. Ông Chí L1 và ông L2 không yêu cầu gì đối với diện tích đất tranh chấp, thống nhất yêu cầu của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 230/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1.1. Công nhận cho bà Nguyễn Thị L được QSD diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.499,4m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 138 và diện tích 4.078,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 197, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn Chí N đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất, trong phạm vi các mốc như sau:

- Đường thẳng nối từ M1 đến M2 dài 124,19m;
- Đường thẳng nối từ M2 đến M3 dài 76,45m;
- Đường thẳng nối từ M3 đến M4 dài 31,34 m;
- Đường thẳng nối từ M4 đến M5 dài 82,10m;
- Đường thẳng nối từ M5 đến M6 dài 137,47m;
- Đường thẳng nối từ M6 đến M7 dài 0,80m;
- Đường thẳng nối từ M7 đến M8 dài 32,76 m;
- Đường thẳng nối từ M8 đến M1 dài 2,52m.

1.2. Ông Nguyễn Văn Chí N, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Công D và anh Nguyễn Công T phải giao QSD đất diện tích đất theo đo đạc thực tế là

2.499,4m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 138 và diện tích 4.078,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 197, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M1 cho bà Nguyễn Thị L.

1.3. Buộc ông Nguyễn Văn Chí N, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Công D, anh Nguyễn Công T có nghĩa vụ phải di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, cây trồng của hộ ông Chí N (nếu có) ra khỏi phần đất nêu trên để giao đất cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận QSD đất của mình theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi QSD đất theo đo đạc thực tế diện tích 2.499,4m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 138 và diện tích 4.078,6m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 197, cùng tờ bản đồ số 8, tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Chí N để cấp lại cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2023, ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia phần đất có tổng diện tích 6.333m^2 thuộc thửa 138 và thửa 197 cho bà L và 04 người con như sau: Ông Nguyễn Văn Chí L1, ông Nguyễn Văn Chí N, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn Đ1 mỗi người được nhận 1.000m^2, bà Nguyễn Thị L được nhận 2.333m^2.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ1 trả lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất số AA 055457, số vào sổ 01526 QSDĐ/1578/QĐ-UB ngày 19/8/2004 tại thửa 138, 197 tờ bản đồ 8, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Chí N, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Công D và anh Nguyễn Công T phải liên đới chịu 29.654.200đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Chí N, bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004267 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

5. Về chí phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: 8.991.000đ (Tám triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn đồng) đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 13/10/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà L trả lại cho ông Chí N và bà C giấy chứng nhận QSD đất hai thửa 138 và 197 do hộ ông Nguyễn Văn Chí N đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Chí N và bà C như nêu trên. Bởi các căn cứ như: Đất đang tranh chấp thửa 138, diện tích 2.499,4m^2 và thửa 197, diện tích 4.078,6m^2 có nguồn gốc là của ông ngoại của ông Chí N là cụ Nguyễn Văn M cho ông Chí N; Khi ông Chí N đi đăng ký QSD đất lần đầu năm 1992 đã được bà L đồng ý cho đi đăng ký, sau đó ông Chí N đăng ký cấp đổi năm 2004 và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Chí N đứng tên; Do ông Chí N đi ghe lúa thường xuyên nên để cho bà L quản lý, canh tác để có thu nhập. Đến năm 2022, bà L khởi kiện ra UBND xã T kêu trả lại đất, nên ông Chí N đã lấy lại phần đất này canh tác cho đến nay; Ông Nguyễn Văn Đ1 là người trực tiếp nhận giấy chứng nhận QSD đất của hộ ông Chí N giao lại cho bà L giữ, thể hiện ông Nguyễn Văn Đ1 (tên thường gọi là D1) có ký tên vào danh sách nhận giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 04/6/2008 do ông Chí N cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm.

- Bị đơn anh Nguyễn Công D và anh Nguyễn Công T trình bày: Thống nhất trình bày và yêu cầu kháng cáo của cha và mẹ của anh D và anh T là ông Chí N và bà C như nêu trên, không bổ sung hay có ý kiến gì thêm.

- Luật sư Phạm Hoàng Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Chí N và bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi các căn cứ như: Đất tranh chấp bà L đã được cụ Nguyễn Văn M tặng cho năm 1980 và sử dụng đến năm 2022 thì ông Nguyễn Văn Chí N mới lấy (chiếm) đất tranh chấp và canh tác thể hiện theo lời khai của bà Nguyễn Thị Đ2 ngày 22/6/2023, lời khai bà Võ Thị X, ông Nguyễn Văn D2, bà Võ Thị P và ông Phạm Văn V ngày 05/7/2023; Việc Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Chí N là không đúng đối tượng và không được đo đạc trên thực tế; Theo xác nhận của UBND xã T ngày 03/8/2023 trong Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị L gửi UBND xã T thể hiện bà L canh tác đất tranh chấp và thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, phí

cho Nhà nước; Nếu bà L cho đất tranh chấp cho ông Chí N thì bà L không còn phần đất nào khác để nuôi sống bản thân khi đã già yếu, bà L đã chia tiền và nền nhà tái định cư cho các con rồi, phần đất tranh chấp bà L được cụ M tặng cho, bà L để dưỡng tuổi già; Lúc ông Chí N đăng ký, kê khai đất tranh chấp lần đầu năm 2004 thì thời điểm này bà L đang điều trị bệnh tại bệnh viện, ngoài ra ông Chí N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc cụ M và bà L đã cho đất ông Chí N để ông đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2004 như trình bày của hộ ông Chí N. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Chí N và bà C.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất với lời trình bày và đề nghị của Luật sư Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L như nêu trên, bà L không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn Chí L1 và ông Nguyễn Văn L2 trình bày: Thống nhất lời trình bày và đề nghị của Luật sư Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L như nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Chí N và bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 230/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 231/PB-VKS-DS ngày 28/3/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm

c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông Chí N và bà C nộp đơn kháng cáo vào ngày 13/10/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C là ông Nguyễn Thế Hồng T1, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đất tranh chấp thuộc thửa 138, diện tích 2.378m^2 (đo đạc thực tế là 2.499,4m^2), đất chuyên trồng lúa nước và thửa 197, diện tích 3.955m^2 (đo đạc thực tế là 4.078,6m^2), đất chuyên trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 8 do hộ ông Nguyễn Văn Chí N đứng tên giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện C cấp ngày 19/8/2004, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (viết tắt là đất tranh chấp) có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn M (cha bà L), năm 1980 cụ M cho bà L đất tranh chấp, bà L canh tác từ năm 1982 đến tháng 4 năm 2022 thì bị ông Chí N lấy đất tranh chấp canh tác do ông Chí N cho rằng ông Chí N đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất. Việc bà L khởi kiện yêu cầu hộ ông Chí N trả lại đất và chuyển QSD đất tranh chấp lại cho bà L đứng tên, còn hộ ông Chí N không thống nhất và có yêu cầu phản tố buộc bà L và ông Đ1 trả lại giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông Chí N mà bà L và ông Đ1 đang giữ, điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N, bà Nguyễn Thị C là có cơ sở. Bởi các lẽ như: Ông Chí N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đất tranh chấp ông Chí N được cụ Nguyễn Văn M tặng cho cũng như đã được bà L đồng ý cho kê khai, đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, việc này cũng không được bà L thừa nhận; Đối với bà L đã chứng minh được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà L đã được cụ M tặng cho đất tranh chấp cho bà L năm 1980, thực tế bà L đã canh tác đất từ năm 1982 cho đến năm 2022; Tại Công văn số 1061/UBND-TNMT ngày 14/6/2023 của UBND huyện C xác định: *"2. Thửa đất số 138, 197, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Chí N vào ngày 19/8/2004, cấp Giấy theo hình thức Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất lần đầu, không có đo đạc thực tế, không có phát sinh tranh chấp. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp sử dụng đất…"*, cho thấy bà L là người trực canh đối với đất hơn 30 năm không ai tranh chấp, bà L đã thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước trong quá trình trực canh, còn ông Chí N chỉ lấy đất tranh chấp canh tác từ tháng

4 năm 2022 khi phát sinh tranh chấp với bà L. Việc ông Chí N tự kê khai, đăng ký QSD đất là trái với ý chí của bà L và không được bà L đồng ý. Vì vậy, việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chí N và bà C, buộc hộ ông Chí N có nghĩa vụ di dời cây trồng, vật kiến trúc, tài sản có trên đất để trả lại cho bà L và để cho bà L tiếp tục giữ giấy chứng nhận QSD đất để đảm bảo việc thi hành án là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông N và bà C yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà L; Buộc bà L trả lại cho ông Chí N, bà C giấy chứng nhận QSD đất hai thửa 138 và 197 do hộ ông Nguyễn Văn Chí N đứng tên. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông Chí N và bà C là không có đủ căn cứ, đồng thời ông Chí N và bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C không được chấp nhận, nên ông N và bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 230/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh;

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Chí N và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0004568, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi